

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2019

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Giang.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Thúy** và bà **Nguyễn Thị Lan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 04/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2019 và quyết Đ hoãn phiên tòa số 03 ngày 20/02/2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB- TA ngày 08/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

2. Bi đơn: Anh Nguyễn Thạc Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Phạm Tiến P, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn ĐT, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Ông Nguyễn Thạc Đ1, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn và những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thạc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/1996. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chơi cờ bạc, nghiện ma túy không chăm lo gì đến gia đình, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, chị đã phải đi làm ăn xa hy vọng anh sửa chữa nhưng anh không thay đổi, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/8/1995 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/3/2002. Hiện con Nguyễn Thị H đã trưởng thành và có việc làm, nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị H1, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thạch Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị Đ đi làm xa không quan tâm đến anh, bản thân anh xác định vẫn còn tình cảm với chị. Nay chị làm đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/8/1995 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/3/2002. Việc chị Đ ly hôn anh không nhất trí ly hôn nên anh không có quan điểm gì về việc nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có ý kiến.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương và đại diện gia đình anh Q, chị Đ đều xác định: Anh Q, chị Đ kết hôn với nhau vào năm 1996, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn, nguyên nhân anh chơi cờ bạc, nghiện ma túy không chăm lo gì cho cuộc sống gia đình, vợ chồng mâu thuẫn nên chị Đ đã phải đi làm ăn xa nhiều năm. Quan điểm của địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Q và đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ. Cho chị Đ được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Do cháu H đã trưởng thành nên không giải quyết. Giao con Nguyễn Thị H1 sinh ngày 25/3/2002 cho chị Đ nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung

- Về án phí: chị Đ chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thạc Q được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Thạc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau một phần do anh chơi cờ bạc nghiện ma túy không lo toan kinh tế gia đình, chị đã cố gắng để cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không được. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin ly hôn anh, mặc dù anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy

định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Đ ly hôn anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/8/1995 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/3/2002. Quá trình điều tra chị xác định con Nguyễn Thị H đã trưởng thành. Đối với con Nguyễn Thị H1 hiện nay đang sống cùng với ông bà nội, chị Đ có nguyện vọng được nuôi con của chị là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác, theo quan điểm của con Nguyễn Thị H1 có nguyện vọng được ở với chị. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Thị H1 cho chị Đ nuôi dưỡng là phù hợp, chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ, anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng các Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Thạc Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/3/2002 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn; được trừ vào số tiền chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003538 ngày 04/01/2019 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Gia Lộc. Chị Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Các đương sự ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã TK, huyện Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Giang